

DANH MỤC CÂU HỎI LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THỐNG KÊ

1. Phạm vi điều chỉnh của Luật Thống kê năm 2015	4
2. Phạm vi sửa đổi, bổ sung của Dự thảo Luật	5
3. Tại sao phải sửa đổi, bổ sung Luật Thống kê	6
4. Vai trò của thông tin, số liệu thống kê trong quản lý, điều hành?	7
5. Mục đích sửa đổi Luật Thống kê	8
6. Quan điểm xây dựng dự thảo Luật	9
7. Dự thảo Luật đã sửa đổi, bổ sung bao nhiêu Điều của Luật Thống kê	10
8. Những nhóm nội dung chính sửa đổi, bổ sung của dự thảo Luật là những nhóm nào?	11
9. Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung những quy định nào liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước và tổ chức thống kê nhà nước, tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp? Lý do điều chỉnh?	13
10. Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung những quy định nào liên quan đến thanh tra chuyên ngành thống kê, kiểm tra chuyên ngành thống kê? Lý do điều chỉnh?	15
11. Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung những quy định nào liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ thống kê phát sinh trong thực tiễn? Lý do điều chỉnh?	16
12. Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung những quy định nào liên quan đến ứng dụng phương pháp thống kê, công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động thống kê nhà nước? Lý do điều chỉnh?	18
13. Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung những quy định nào liên quan đến phân quyền, phân cấp? Lý do điều chỉnh?	19
14. Vị trí, vai trò và chức năng của cơ quan thống kê trung ương?	21
15. Vai trò của hệ thống thông tin thống kê cấp xã trong việc phục vụ quản lý, điều hành ở cấp xã?	22
16. Lý do bổ sung “Điều 42b. Chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã”?	23
17. Lý do bổ sung “Điều 51b. Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia”?	24
18. Tại sao lại hay thế “Điều 8. Thanh tra chuyên ngành thống kê” bằng “Điều 8. Kiểm tra chuyên ngành thống kê”?	25

19. Tại sao lại quy định “*Hệ thống chỉ tiêu thống kê liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, liên kết vùng là hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành*”? 26
20. Dự thảo Luật quy định như thế nào về phân quyền trong lĩnh vực thống kê?..... 27
21. Luật hiện hành không có quy định “chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã” nhưng có quy định về hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (tại Điều 22), làm rõ sự phù hợp củaviệc bổ sung quy định về chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã, tránh phát sinh thêm “chế độ báo cáo” khác 28
22. Dự thảo Luật quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực thống kê trong khi những nội dung này đã được quy định tại Nghị định số 130/2025/NĐ-CP ngày 11/06/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực thống kê. Như vậy có trùng lặp về nội dung? 29
23. Điểm sửa đổi, bổ sung nổi bật nhất của dự thảo Luật 30
24. Hệ thống thông tin cấp xã trong dự thảo Luật có gì mới so với Luật Thống kê trước đây?..... 31
25. Việc bổ sung chế độ báo cáo thống kê cấp xã có điểm gì mới? 32
26. Ai chịu trách nhiệm quản lý hệ thống thông tin thống kê cấp xã 33
27. Các cơ quan nhà nước trên địa bàn cấp xã có quyền và nghĩa vụ gì trong hoạt động thống kê?..... 34
28. Luật Thống kê Việt Nam đã tiếp thu và quy định những kinh nghiệm quốc tế nào?..... 35
29. Kinh nghiệm quốc tế trong tính toán chỉ tiêu Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP,GRDP ở Việt Nam..... 36
30. Cơ sở pháp lý trong tính toán chỉ tiêu Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP,GRDP ở Việt Nam 39
31. Phương pháp biên soạn chỉ tiêu Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP,GRDP ở Việt Nam..... 41
32. Thực tiễn biên soạn chỉ tiêu tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP, GRDP của Việt Nam 42
33. Kiểm toán nhà nước đối với thống kê nhà nước và kiểm toán đối với dịch vụ thống kê ngoài nhà nước..... 47
34. Làm rõ một số vấn đề về cơ quan thống kê cơ sở, vì sao cần phải có quy định về cơ quan thống kê cơ sở..... 48
35. Về bảo đảm tính thống nhất của pháp luật liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân 50

1. Phạm vi điều chỉnh của Luật Thống kê năm 2015

Luật Thống kê điều chỉnh:

1.1. Hoạt động thống kê, sử dụng thông tin thống kê nhà nước; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động thống kê, sử dụng thông tin thống kê nhà nước.

Những quy định này thể hiện mối quan hệ giữa Nhà nước với các tổ chức, cá nhân trong hoạt động thống kê nhà nước. Trong mối quan hệ này, tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ, trách nhiệm phải thực hiện những hoạt động thống kê theo quy định.

1.2. Tổ chức thống kê nhà nước và hoạt động thống kê, sử dụng thông tin thống kê ngoài thống kê nhà nước.

Những quy định đối với nhóm này là thể hiện mối quan hệ giữa các tổ chức, cá nhân với nhau liên quan đến việc thực hiện hoạt động thống kê của họ không có tính chất nhà nước. Đây là mối quan hệ mang tính chất tự nguyện, bình đẳng, thoả thuận.

2. Phạm vi sửa đổi, bổ sung của Dự thảo Luật

Dự thảo Luật tập trung sửa đổi, bổ sung các nội dung sau:

- Hệ thống thông tin thống kê nhà nước.
- Hệ thống chỉ tiêu thống kê.
- Thu thập thông tin thống kê nhà nước.
- Nghiên cứu, ứng dụng phương pháp thống kê, công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động thống kê nhà nước.
- Tổ chức thống kê nhà nước.

3. Tại sao phải sửa đổi, bổ sung Luật Thống kê

Luật Thống kê phải sửa đổi, bổ sung vì các lý do sau:

1.1. Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng về: đổi mới, sắp xếp, tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (Nghị quyết số 18-NQ/TW); đột phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết số 57-NQ/TW); đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật (Nghị quyết số 66-NQ/TW); ...

1.2. Bảo đảm tính đảm tính đồng bộ giữa pháp luật về thống kê với hệ thống pháp luật hiện hành như pháp luật về thanh tra, kiểm tra, tổ chức bộ máy, pháp luật về dữ liệu...

1.3. Khắc phục những hạn chế, tồn tại của Luật Thống kê:

- Bổ sung hệ thống thông tin thống kê cấp xã, hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp xã, chế độ báo cáo thống kê cấp xã để bảo đảm nhu cầu thông tin phục vụ quản lý, điều hành ở cấp xã.

- Sửa đổi một số thuật ngữ của pháp luật chuyên ngành liên quan đến Luật Thống kê đã thay đổi, vì vậy, cần phải cập nhật để phù hợp với thực tiễn, như khái niệm về điều tra thống kê, điều tra viên thống kê...

- Sửa đổi, bổ sung một số quy định về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê tại Luật Thống kê cần phải sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tiễn và hội nhập quốc tế, như: Quy định về công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác thống kê; quy định về hệ thống chỉ tiêu thống kê, chế độ báo cáo thống kê liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực;...

4. Vai trò của thông tin, số liệu thống kê trong quản lý, điều hành?

Thông tin và số liệu thống kê có vai trò đặc biệt quan trọng trong quản lý, điều hành vì đây là cơ sở khoa học và thực tiễn để xây dựng, triển khai và đánh giá các chủ trương, chính sách Đảng, Chính phủ, bộ/ngành, chính quyền địa phương các cấp và các cơ quan, tổ chức khác. Có thể khái quát vai trò của thông tin và số liệu thống kê như sau:

Thứ nhất, cung cấp cơ sở khoa học, **“bằng chứng thực tiễn”** cho việc ra quyết định:

- Giúp nhà quản lý, cơ quan lãnh đạo nắm bắt tình hình kinh tế - xã hội một cách toàn diện, khách quan, chính xác.

- Làm căn cứ xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ phát triển phù hợp với thực tiễn.

Thứ hai, theo dõi, giám sát và đánh giá:

- Thống kê phản ánh kết quả, hiệu quả thực hiện các kế hoạch, chương trình, chính sách.

- Cho phép phát hiện kịp thời những bất cập, hạn chế, từ đó điều chỉnh điều hành linh hoạt.

Thứ ba, dự báo, định hướng phát triển:

- Trên cơ sở phân tích dữ liệu thống kê, có thể dự báo xu hướng biến động kinh tế - xã hội, thị trường lao động, dân số, môi trường...

- Giúp đưa ra những giải pháp, chiến lược dài hạn, giảm thiểu rủi ro trong hoạch định chính sách.

Thứ tư, đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình

- Thông tin, số liệu thống kê công khai tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội giám sát hoạt động quản lý nhà nước.

- Nâng cao uy tín và trách nhiệm của cơ quan quản lý.

Thứ năm, hỗ trợ hội nhập và hợp tác quốc tế

- Thống kê chuẩn hóa, đáng tin cậy giúp so sánh, đối chiếu giữa các quốc gia.

- Là cơ sở để tham gia các hiệp định, hợp tác khu vực và toàn cầu.

5. Mục đích sửa đổi Luật Thống kê

- a) Thể chế hoá đầy đủ, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng liên quan đến công tác thống kê, đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy và phân công chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về thống kê;
- b) Tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý cho hoạt động thống kê;
- c) Bảo đảm cung cấp thông tin thống kê chính xác, khách quan, kịp thời, phản ánh đúng, đầy đủ tình hình kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ;
- d) Giúp phân tích, hoạch định và điều hành chính sách vĩ mô;
- đ) Bảo đảm yêu cầu so sánh quốc tế trong các lĩnh vực;
- e) Hiện đại hóa hoạt động thống kê gắn với chuyển đổi số.

6. Quan điểm xây dựng dự thảo Luật

a) Thể chế hóa đầy đủ, kịp thời đường lối, chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước về công tác thống kê, đáp ứng yêu cầu đổi mới quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội và chuyển đổi số quốc gia;

b) Phản ánh trung thực, khách quan, kịp thời tình hình kinh tế - xã hội chủ yếu của đất nước, phục vụ các cơ quan, lãnh đạo Đảng và Nhà nước các cấp trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV;

c) Bảo đảm kế thừa, phát huy hiệu quả những quy định tiên bộ, còn phù hợp của Luật Thống kê hiện hành; đồng thời khắc phục hạn chế, bất cập và bổ sung những quy định phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của đất nước;

d) Khẳng định và nâng cao vai trò của hoạt động thống kê, giá trị sử dụng thông tin thống kê nhà nước, bảo đảm phù hợp với thực tiễn thống kê Việt Nam và tiệm cận, gắn kết với các nguyên tắc hoạt động thống kê chính thức của Ủy ban Thống kê Liên hợp quốc; tạo cơ sở so sánh quốc tế trong các lĩnh vực;

đ) Xây dựng Luật theo hướng quy định khung, mang tính ổn định, lâu dài, còn những vấn đề có tính chất kỹ thuật, thay đổi thường xuyên theo thực tiễn giao Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết để bảo đảm tính linh hoạt, khả thi;

e) Bảo đảm tính khả thi, hiệu lực và hiệu quả trong tổ chức thực hiện, tạo hành lang pháp lý rõ ràng, minh bạch, thuận lợi, giảm chồng chéo, trùng lặp, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới.

7. Dự thảo Luật đã sửa đổi, bổ sung bao nhiêu Điều của Luật Thống kê

- Dự thảo Luật đã sửa đổi 36/72 điều của Luật Thống kê và bổ sung bổ sung 02 điều.

- Trong 36 điều sửa đổi có đó có 12 điều chỉ sửa đổi những nội dung liên quan đến tên gọi của Bộ, ngành, đơn vị, tổ chức thống kê, tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

8. Những nhóm nội dung chính sửa đổi, bổ sung của dự thảo Luật là những nhóm nào?

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung tập trung 4 nhóm nội dung chính như sau:

1.1. Nội dung sửa đổi, hoàn thiện

Dự thảo Luật tập trung sửa đổi những nội dung sau:

- Nhóm các quy định liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước và tổ chức thống kê nhà nước, tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

- Nhóm các quy định liên quan đến thanh tra chuyên ngành thống kê, kiểm tra chuyên ngành thống kê.

- Nhóm liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ thống kê phát sinh trong thực tiễn.

- Nhóm các quy định liên quan đến ứng dụng phương pháp thống kê, công nghệ thông tin và chuyên đổi số trong hoạt động thống kê nhà nước.

1.2. Nội dung bổ sung

Dự thảo Luật bổ sung 02 điều so với Luật Thống kê, cụ thể:

- Bổ sung Điều 42b. Chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã để bảo đảm thu thập thông tin thống kê phục vụ quản lý, điều hành ở cấp xã.

- Bổ sung Điều 51b. Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia nhằm thể chế hóa kịp thời các chủ trương lớn tại Nghị quyết số 57-NQ/TW.

1.3. Nội dung lược bỏ

Dự thảo Luật lược bỏ những quy định sau:

- Thanh tra chuyên ngành thống kê tại Điều 8 Luật Thống kê để phù hợp với Luật Thanh tra (không quy định về thanh tra chuyên ngành).

- Hệ thống thông tin thống kê cấp huyện tại Điều 16 Luật Thống kê, hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp huyện tại Điều 22 Luật Thống kê để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

1.4. Nội dung phân quyền, phân cấp

(1) Về phân quyền trong lĩnh vực thống kê

Theo đó, dự thảo Luật quy định như sau:

- Điều 22. Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp xã: Điều chỉnh thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và phân quyền cho Bộ trưởng Bộ Tài chính trong việc ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp xã.

- Điều 28. Chương trình điều tra thống kê quốc gia: Điều chỉnh thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và phân quyền cho Bộ trưởng Bộ Tài chính trong quyết định tiến hành tổng điều tra thống kê quốc gia quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 29.

- Điều 29. Tổng điều tra thống kê quốc gia: Điều chỉnh thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và phân quyền cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước trong (1) thực hiện tổng điều tra quy định tại điểm d khoản 1 Điều này và (2) quyết định điều chỉnh, bổ sung tổng điều tra thống kê quốc gia được phân công thực hiện.

- Điều 62. Hệ thống tổ chức thống kê tập trung: Điều chỉnh thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và phân quyền cho Bộ trưởng Bộ Tài chính trong quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của hệ thống tổ chức thống kê tập trung.

(2) Về phân cấp trong lĩnh vực thống kê

Nhóm này sửa đổi, bổ sung Điều 28 như sau:

- Điều 28. Chương trình điều tra thống kê quốc gia: Điều chỉnh thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính và phân cấp cho Thủ trưởng cơ quan thống kê trung ương trong việc quyết định tiến hành điều tra đối với các cuộc điều tra thống kê phân công Bộ Tài chính thực hiện trong chương trình điều tra thống kê quốc gia.

9. Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung những quy định nào liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước và tổ chức thống kê nhà nước, tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp? Lý do điều chỉnh?

Dự thảo Luật điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, thay thế 15 điều của Luật Thống kê (chủ yếu liên quan đến điều chỉnh tên gọi của các cơ quan, đơn vị), cụ thể như sau:

- Bãi bỏ cụm từ “*cấp huyện*” tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 22; điểm d khoản 2 Điều 48 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 01/2021/QH15), khoản 3 Điều 52; khoản 2 Điều 59;

- Thay thế cụm từ “*cấp huyện*” thành “*cấp xã*” tại khoản 4 Điều 12, khoản 3 Điều 13, khoản 1 Điều 42;

→ *Lý do điều chỉnh: Phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.*

- Thay thế cụm từ “*cấp huyện*” thành “*cấp cơ sở*” tại khoản 4 Điều 62.

- Thay thế cụm từ “*Bộ Kế hoạch và Đầu tư*” bằng cụm từ “*Bộ Tài chính*” tại khoản 2 Điều 7; khoản 3 Điều 13; khoản 6 Điều 17 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Luật số 01/2021/QH15); khoản 4 Điều 22; khoản 4 Điều 24; khoản 2 Điều 28; khoản 3 Điều 52; khoản 3 Điều 60, khoản 2 Điều 62.

→ *Lý do điều chỉnh: Phù hợp với quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính.*

- Sửa đổi, bổ sung các điều, khoản của Luật Thống kê:

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 14. Hệ thống thông tin thống kê bộ, ngành: Bỏ cụm từ “*Tòa án nhân dân cấp cao*”, “*Viện kiểm sát nhân dân cấp cao*” và bổ sung tòa án nhân dân khu vực và viện kiểm sát nhân dân khu vực để thống nhất với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Tòa án nhân dân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân. Đồng thời bổ sung cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân cấp xã để phản ánh toàn diện và đầy đủ nguồn thông tin hình thành nên hệ thống thông tin thống kê bộ, ngành.

→ *Lý do điều chỉnh: Thống nhất với quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Tòa án nhân dân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân*

+ Thay thế “Điều 16. Hệ thống thông tin thống kê cấp huyện” của Luật Thống kê bằng “Điều 16. Hệ thống thông tin thống kê cấp xã”.

→ Lý do điều chỉnh: Phù hợp với mô hình chính quyền 02 cấp.

10. Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung những quy định nào liên quan đến thanh tra chuyên ngành thống kê, kiểm tra chuyên ngành thống kê? Lý do điều chỉnh?

Dự thảo Luật điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, thay thế 03 điều của Luật Thống kê (Điều 8, Điều 33 và Điều 44), cụ thể:

- Thay thế “Điều 8. Thanh tra chuyên ngành thống kê” bằng “Điều 8. Kiểm tra chuyên ngành thống kê”.

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 33 thành “c) *Chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.*”

- Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 44 thành “d) *Chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.*” và bãi bỏ điểm đ khoản 2.

→ Lý do điều chỉnh: Phù hợp với Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả và Luật Thanh tra năm 2025.

11. Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung những quy định nào liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ thống kê phát sinh trong thực tiễn? Lý do điều chỉnh?

Dự thảo Luật điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, thay thế 15 điều của Luật Thống kê liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ thống kê phát sinh trong thực tiễn, cụ thể:

Stt	Điều	Lý do sửa điều chỉnh
1	Điều 3. Giải thích từ ngữ	Sửa đổi, bổ sung một số thuật ngữ để phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, thực tiễn hoạt động thống kê và thông lệ quốc tế, như: Cơ sở dữ liệu dữ liệu thống kê, điều tra viên thống kê, hệ thống chỉ tiêu thống kê liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, liên kết vùng, hoạt động thống kê
2	Điều 5. Nguyên tắc cơ bản của hoạt động thống kê và sử dụng dữ liệu, thông tin thống kê	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Luật Dữ liệu năm 2024.
3	Điều 19. Hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tiễn hoạt động thống kê
4	Điều 20. Thẩm định hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành	Điều chỉnh rút ngắn thời hạn thẩm định từ 20 ngày còn 10 ngày để phù hợp với yêu cầu thực tiễn, góp phần đẩy nhanh quá trình ra quyết định, đồng thời nâng cao hiệu quả, chất lượng và tính kịp thời của hoạt động thống kê phục vụ công tác quản lý, điều hành.
5	Điều 26. Thẩm định phân loại thống kê ngành, lĩnh vực	
6	Điều 32. Thẩm định phương án điều tra thống kê	
7	Điều 43. Thẩm định chế độ báo cáo thống kê cấp bộ, ngành	
8	Điều 27. Các loại điều tra thống kê:	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Điều 30 dự thảo Luật.

Stt	Điều	Lý do sửa điều chỉnh
9	Điều 30. Điều tra thống kê ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia	Bổ sung quy định tổng điều tra thống kê quốc gia khác là điều tra thống kê ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia để phù hợp với thực tiễn và linh hoạt trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện.
10	Điều 31. Phương án điều tra thống kê	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tiễn hoạt động thống kê.
11	Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của điều tra viên thống kê:	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với hình thức thu thập thông tin qua webform.
12	Điều 40. Chế độ báo cáo thống kê	Bổ sung chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã để bảo đảm thu thập thông tin thống kê phục vụ quản lý, điều hành ở cấp xã và phù hợp với quy định của Điều 22 (Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp xã) dự thảo Luật
13	Điều 53. Sử dụng cơ sở dữ liệu thống kê do cơ quan thống kê trung ương quản lý	Bổ sung để phù hợp với quy định tại Điều 51b (Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia) dự thảo Luật.
14	Điều 62. Hệ thống tổ chức thống kê tập trung	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính.
15	Điều 64. Hoạt động thống kê tại đơn vị hành chính cấp xã	Sửa đổi, bổ sung để phản ánh đầy đủ hoạt động thống kê tại đơn vị hành chính cấp xã.

12. Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung những quy định nào liên quan đến ứng dụng phương pháp thống kê, công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động thống kê nhà nước? Lý do điều chỉnh?

Dự thảo Luật điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung:

- Sửa đổi tên chương V từ: “*Chương V. Nghiên cứu, ứng dụng phương pháp thống kê, công nghệ thông tin - truyền thông và hợp tác quốc tế trong hoạt động thống kê nhà nước*” thành “*Chương V. Nghiên cứu, ứng dụng phương pháp thống kê, công nghệ thông tin, chuyển đổi số và hợp tác quốc tế trong hoạt động thống kê nhà nước*”;

- Sửa đổi tên Điều 51 từ: “*Phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông*” thành “*Phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số*”;

- Bổ sung 01 điều (Điều 51b. Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia).

→ *Lý do điều chỉnh: Thể chế hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW đã giao nhiệm vụ cho các bộ, ngành rà soát các quy định pháp luật để tháo gỡ kịp thời các điểm nghẽn phục vụ hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.*

13. Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung những quy định nào liên quan đến phân quyền, phân cấp? Lý do điều chỉnh?

(1) Về phân quyền trong lĩnh vực thống kê

Thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền mạnh mẽ theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 66-NQ/TW và các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung 03 điều (Điều 28, Điều 29 và Điều 62) nhằm điều chỉnh, phân định rõ thẩm quyền giữa Thủ tướng Chính phủ và các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, bảo đảm tính thống nhất, thông suốt, phát huy tính chủ động, trách nhiệm của từng cơ quan trong lĩnh vực thống kê. Đồng thời, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ để Bộ Tài chính (cơ quan được giao quản lý nhà nước về thống kê) chủ động, kịp thời trong việc quyết định, điều hành và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về tổng điều tra, chương trình điều tra và tổ chức hệ thống thống kê tập trung.

Theo đó, dự thảo Luật quy định như sau:

- Điều 22. Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp xã: Điều chỉnh thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và phân quyền cho Bộ trưởng Bộ Tài chính trong việc ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp xã.

- Điều 28. Chương trình điều tra thống kê quốc gia: Điều chỉnh thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và phân quyền cho Bộ trưởng Bộ Tài chính trong quyết định tiến hành tổng điều tra thống kê quốc gia quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 29.

- Điều 29. Tổng điều tra thống kê quốc gia: Điều chỉnh thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và phân quyền cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước trong (1) thực hiện tổng điều tra quy định tại điểm d khoản 1 Điều này và (2) quyết định điều chỉnh, bổ sung tổng điều tra thống kê quốc gia được phân công thực hiện.

- Điều 62. Hệ thống tổ chức thống kê tập trung: Điều chỉnh thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và phân quyền cho Bộ trưởng Bộ Tài chính trong quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của hệ thống tổ chức thống kê tập trung.

(2) Về phân cấp trong lĩnh vực thống kê

Nhóm này sửa đổi, bổ sung Điều 28 như sau:

- Điều 28. Chương trình điều tra thống kê quốc gia: Điều chỉnh thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính và phân cấp cho Thủ trưởng cơ quan thống kê trung ương trong việc quyết định tiến hành điều tra đối với các cuộc điều tra thống kê phân công Bộ Tài chính thực hiện trong chương trình điều tra thống kê quốc gia.

Những nội dung phân quyền, phân cấp nêu trên cơ bản đã được quy định tại Nghị định số 130/2025/NĐ-CP ngày 11/06/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực thống kê. Để bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả và thống nhất trong quá trình thực hiện các nội dung này cần được quy định tại dự thảo Luật.

14. Vị trí, vai trò và chức năng của cơ quan thống kê trung ương?

- Cơ quan thống kê trung ương trực thuộc Bộ Tài chính.
- Cơ quan thống kê trung ương là cơ quan thống kê quốc gia thực hiện chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính quản lý nhà nước về thống kê; tổ chức thực hiện hoạt động thống kê; điều phối hoạt động thống kê; cung cấp thông tin thống kê kinh tế - xã hội cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định; thực hiện vai trò trung tâm kết nối, tích hợp, quản lý thống nhất cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia.

15. Vai trò của hệ thống thông tin thống kê cấp xã trong việc phục vụ quản lý, điều hành ở cấp xã?

Hệ thống thông tin thống kê cấp xã phản ánh tình hình kinh tế - xã hội chủ yếu của đơn vị hành chính cấp xã. Hệ thống này giúp cung cấp thông tin thống kê chính xác và kịp thời để phục vụ quản lý, điều hành ở cấp xã; bảo đảm thông tin thông suốt từ trung ương đến cấp xã.

16. Lý do bổ sung “Điều 42b. Chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã”?

- Chế độ báo cáo là hình thức thu thập thông tin thống kê. Việc bổ sung chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã để bảo đảm thu thập thông tin thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp xã phục vụ quản lý, điều hành ở cấp xã.

- Việc bổ sung đảm bảo, thống nhất với quy định tại Điều 22 về hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp xã.

“Điều 42b. Chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã

1. Chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã được thực hiện để thu thập thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp xã và tổng hợp các thông tin thống kê khác phục vụ yêu cầu quản lý trên địa bàn.

2. Cơ quan, tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã gồm:

a) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; Tòa án nhân dân cấp tỉnh, khu vực; Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, khu vực; cơ quan thống kê cấp tỉnh, cơ sở; cơ quan thuế cấp tỉnh, cơ sở; cơ quan bảo hiểm xã hội cấp tỉnh, cơ sở; cơ quan khác trên địa bàn cấp xã;

b) Cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

3. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã.”.

17. Lý do bổ sung “Điều 51b. Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia”?

“Điều 51b. Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia.

1. Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia là tập hợp các dữ liệu thống kê, thông tin thống kê, thông tin thống kê từ các cơ sở dữ liệu liên quan trên phạm vi toàn quốc được kết nối, tích hợp, chuẩn hóa, lưu trữ, cập nhật, quản lý tập trung và vận hành thống nhất.

2. Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia do cơ quan thống kê trung ương chủ trì xây dựng, quản lý và cập nhật; bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm cung cấp, cập nhật dữ liệu thống kê được phân công.

3. Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia được cập nhật định kỳ từ các nguồn: điều tra thống kê, chế độ báo cáo thống kê, dữ liệu hành chính, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, địa phương và các nguồn dữ liệu hợp pháp khác; bảo đảm tính chuẩn hóa, thống nhất, đầy đủ, chính xác và kịp thời.

4. Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia được kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cơ sở dữ liệu quốc gia. Khi kết nối, chia sẻ dữ liệu phải bảo đảm bảo mật, an toàn thông tin và quyền riêng tư theo quy định của pháp luật.”.

Bổ sung Điều 51b. Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia nhằm:

- Thể chế hóa kịp thời các chủ trương lớn tại Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 03/NQ-CP của Chính phủ về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, nhằm tạo hành lang pháp lý đầy đủ cho việc hình thành, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia.

- Xây dựng một nền tảng dữ liệu thống kê tập trung, thống nhất, đồng bộ, bảo đảm thông tin chính xác, kịp thời phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý, hoạch định chính sách, giám sát và đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội.

- Khắc phục tình trạng dữ liệu thống kê phân tán, không tập trung; tăng cường khả năng kết nối, chia sẻ, tích hợp dữ liệu phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

18. Tại sao lại hay thế “Điều 8. Thanh tra chuyên ngành thống kê” bằng “Điều 8. Kiểm tra chuyên ngành thống kê”?

- Theo Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/3/2025, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đồng ý chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống cơ quan thanh tra theo 02 cấp ở trung ương và địa phương; kết thúc hoạt động của thanh tra bộ, ngành ở trung ương và sở, huyện tại địa phương.

- Điều 7 Luật Thanh tra số 84/2025/QH15 quy định hệ thống các cơ quan thanh tra được tổ chức theo 2 cấp gồm: Thanh tra Chính phủ và Thanh tra tỉnh, thành phố.

Do vậy, Điều 8 Luật Thống kê cần thay thế bằng những quy định về kiểm tra chuyên ngành thống kê phù hợp.

19. Tại sao lại quy định “Hệ thống chỉ tiêu thống kê liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, liên kết vùng là hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành”?

Dự thảo Luật bổ sung quy định “Hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành gồm hệ thống chỉ tiêu thống kê liên quan đến ngành, lĩnh vực do bộ, ngành phụ trách và **hệ thống chỉ tiêu thống kê liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, liên kết vùng**” vì các lý do sau:

- Thực tiễn phát sinh nhiều bộ chỉ tiêu liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực và liên kết vùng như: Bộ chỉ tiêu về phát triển bền vững, Bộ chỉ tiêu phát triển giới quốc gia, Bộ chỉ tiêu về kinh tế xanh,...
- Về tính chất: Bộ chỉ tiêu này mang tính chất của chỉ tiêu bộ, ngành; do Bộ trưởng, thủ trưởng bộ ngành ban hành và thực hiện.
- Việc quy định bộ chỉ tiêu này tạo cơ sở pháp lý cho việc xây dựng và triển khai thực hiện thống nhất, liên thông giữa hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành với hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

20. Dự thảo Luật quy định như thế nào về phân quyền trong lĩnh vực thống kê?

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung 03 điều quy định về phân quyền trong lĩnh vực thống kê, cụ thể:

- Điều 28. Chương trình điều tra thống kê quốc gia: Điều chỉnh thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và phân quyền cho Bộ trưởng Bộ Tài chính trong quyết định tiến hành tổng điều tra thống kê quốc gia quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 29.

- Điều 29. Tổng điều tra thống kê quốc gia: Điều chỉnh thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và phân quyền cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước trong (1) thực hiện tổng điều tra quy định tại điểm d khoản 1 Điều này và (2) quyết định điều chỉnh, bổ sung tổng điều tra thống kê quốc gia được phân công thực hiện.

- Điều 62. Hệ thống tổ chức thống kê tập trung: Điều chỉnh thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và phân quyền cho Bộ trưởng Bộ Tài chính trong quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của hệ thống tổ chức thống kê tập trung.

21. Luật hiện hành không có quy định “chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã” nhưng có quy định về hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (tại Điều 22), làm rõ sự phù hợp của việc bổ sung quy định về chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã, tránh phát sinh thêm “chế độ báo cáo” khác

Luật Thống kê hiện hành đã quy định về hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (Điều 22), nhưng chưa quy định về hệ thống thông tin thống kê cấp xã và chế độ báo cáo thống kê cấp xã, dẫn đến hạn chế trong khung pháp lý để thu thập thông tin thống kê cấp xã.

Trong bối cảnh sáp nhập 10.035 xã xuống còn 3.321 xã và bỏ cấp huyện, quy mô của cấp xã lớn hơn rất nhiều so với trước đây, nhu cầu thông tin thống kê kinh tế - xã hội phục vụ quản lý điều hành trên địa bàn cấp xã là cấp bách, cần thiết.

Với việc bổ sung quy định về hệ thống thông tin thống kê cấp xã và chế độ báo cáo thống kê cấp xã không làm tăng khối lượng công việc của Ủy ban nhân dân cấp xã đang thực hiện, vì các lý do sau:

- Việc quản lý, vận hành hệ thống thông tin thống kê cấp xã, chế độ báo cáo thống kê cấp xã giao cơ quan thống kê cơ sở thực hiện. Hiện tại, 01 cơ quan thống kê cơ sở quản lý trung bình 07 xã. Cơ quan thống kê cơ sở chịu trách nhiệm triển khai các công việc của hệ tổ chức thống kê tập trung trên khu vực, địa bàn được phân công; đồng thời cơ quan thống kê cơ sở cung cấp thông tin thống kê kinh tế - xã hội trên địa bàn cấp xã để phục vụ quản lý, điều hành của UBND cấp xã.

- Những thông tin, dữ liệu hành chính phát sinh trong quá trình quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã phải được cung cấp cho cơ quan thống kê cơ sở thông qua hệ thống biểu được ban hành theo chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã thống nhất trên phạm vi toàn quốc. Cơ quan thống kê cơ sở chịu trách nhiệm tổng hợp nguồn thông tin này và kết hợp với những thông tin, dữ liệu do cơ quan thống kê cơ sở được phân công thực hiện để hình thành hệ thống thông tin thống kê cấp xã.

- Để triển khai thống nhất chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã, Bộ Tài chính sẽ đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để bảo đảm thông tin thống kê được thu thập nhanh, chính xác và phục vụ kịp thời; tránh phát sinh thêm “chế độ báo cáo” khác.

22. Dự thảo Luật quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực thống kê trong khi những nội dung này đã được quy định tại Nghị định số 130/2025/NĐ-CP ngày 11/06/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực thống kê. Như vậy có trùng lặp về nội dung?

Khoản 2 Điều 32 Luật Tổ chức Chính phủ quy định: “Trong thời gian luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa được sửa đổi, bổ sung theo thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này, để bảo đảm giải quyết việc phân quyền, phân cấp đối với một số lĩnh vực ưu tiên, cấp bách, giao Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh một số nhiệm vụ, quyền hạn và quy định khác có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ đang được quy định trong các điều, khoản, điểm có liên quan tại luật, nghị quyết của Quốc hội,...”.

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước đã yêu cầu rà soát, sắp xếp, đổi mới cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước tinh gọn, hiệu quả; phân định rõ nhiệm vụ quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực giữa các cơ quan, tổ chức; tăng cường phân cấp, phân quyền hợp lý cho bộ, ngành, địa phương.

Trong bối cảnh, Bộ Tài chính vừa thay đổi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, Luật Thống kê chưa được sửa đổi, bổ sung. Thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Tổ chức Chính phủ, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 130/2025/NĐ-CP ngày 11/06/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực thống kê nhằm tăng tính chủ động, linh hoạt và kịp thời thực hiện hoạt động thống kê. Nghị định này hết **hiệu lực từ ngày 01/3/2027**.

Để bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả và thống nhất trong quá trình thực hiện, các nội dung phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực thống kê cần được quy định tại Luật Thống kê sửa đổi để khi Nghị định số 130/2025/NĐ-CP hết hiệu lực, những nội dung này tiếp tục được thực hiện.

23. Điểm sửa đổi, bổ sung nổi bật nhất của dự thảo Luật

Ngoài việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung để phù hợp với chủ trương của Đảng và bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống pháp luật, dự thảo Luật đã bổ sung hệ thống thông tin thống kê cấp xã, hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp xã và chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã. Đây có thể coi là điểm nổi bật của nhất của dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung lần này.

Trước đây, hệ thống thông tin thống kê chỉ dừng ở cấp huyện. Việc thay thế hệ thống thông tin thống kê cấp huyện bằng hệ thống thông tin thống kê cấp xã vừa để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp vừa bảo đảm thông tin thống kê thống nhất và thông nhất từ trung ương đến địa phương, tránh được khoảng trống thông tin thống kê ở cấp xã để phục vụ nhu cầu quản lý, điều hành của lãnh đạo chính quyền các cấp.

Chế độ báo cáo là hình thức thu thập thông tin thống kê. Luật Thống kê chưa quy định chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Để phục vụ thu thập thông tin thống kê, cơ quan Thống kê trung ương đã ban hành biểu mẫu báo cáo thống kê hướng dẫn thu thập thông tin thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Việc quy định chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã trong dự thảo Luật sẽ tạo hành lang pháp lý quan trọng cho việc thu thập thông tin thống kê cấp tỉnh, cấp xã nhằm bảo đảm minh bạch thông tin thống kê.

24. Hệ thống thông tin cấp xã trong dự thảo Luật có gì mới so với Luật Thống kê trước đây?

- Luật Thống kê trước đây không quy định hệ thống thông tin thống kê cấp xã. Dự thảo Luật đã bổ sung hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp xã vừa để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp vừa bảo đảm thông tin thống kê thống nhất và thống nhất từ trung ương đến địa phương, tránh được khoảng trống thông tin thống kê ở cấp xã để phục vụ nhu cầu quản lý, điều hành của lãnh đạo chính quyền các cấp.

- Theo dự thảo Luật, hệ thống thông tin thống kê cấp xã phản ánh tình hình kinh tế - xã hội chủ yếu của đơn vị hành chính cấp xã. Hệ thống thông tin thống kê cấp xã gồm:

- + Thông tin thống kê do cơ quan thống kê cơ sở thực hiện.
- + Thông tin thống kê do cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, Tòa án nhân dân khu vực, Viện kiểm sát nhân dân khu vực, cơ quan thuế cơ sở, cơ quan bảo hiểm xã hội cơ sở và các cơ quan khác trên địa bàn cấp xã thực hiện, cung cấp cho cơ quan thống kê cơ sở tổng hợp.

25. Việc bổ sung chế độ báo cáo thống kê cấp xã có điểm gì mới?

- Luật Thống kê trước đây không quy định chế độ báo cáo thống kê cấp xã.

- Dự thảo Luật đã bổ sung chế độ báo cáo thống kê cấp xã để thu thập thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp xã và tổng hợp các thông tin thống kê khác phục vụ yêu cầu quản lý trên địa bàn cấp xã.

26. Ai chịu trách nhiệm quản lý hệ thống thông tin thống kê cấp xã

Dự thảo Luật quy định người đứng đầu cơ quan thống kê cơ sở chịu trách nhiệm quản lý hệ thống thông tin thống kê cấp xã.

27. Các cơ quan nhà nước trên địa bàn cấp xã có quyền và nghĩa vụ gì trong hoạt động thống kê?

Dự thảo Luật quy định quyền và nghĩa vụ của cơ quan nhà nước trên địa bàn cấp xã như sau:

- Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thống kê phục vụ yêu cầu quản lý của cấp xã; phối hợp, thực hiện điều tra thống kê và chế độ báo cáo thống kê của nhà nước (khoản 24 sửa đổi, bổ sung Điều 64).

- Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, Tòa án nhân dân khu vực, Viện kiểm sát nhân dân khu vực, cơ quan thuế cơ sở, cơ quan bảo hiểm xã hội cơ sở và các cơ quan khác trên địa bàn cấp xã thực hiện, cung cấp cho cơ quan thống kê cơ sở tổng hợp (khoản 26 thay thế Điều 16).

- Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, Tòa án nhân dân khu vực, Viện kiểm sát nhân dân khu vực, cơ quan thuế cơ sở, cơ quan bảo hiểm xã hội cơ sở và các cơ quan khác trên địa bàn cấp xã chịu trách nhiệm quản lý thông tin thống kê trong phạm vi ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách (khoản 26 thay thế Điều 16).

28. Luật Thống kê Việt Nam đã tiếp thu và quy định những kinh nghiệm quốc tế nào?

Thống kê là hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ đặc thù và tính đặc thù này được quy định ở hầu hết các Luật Thống kê của các quốc gia trên thế giới. Luật Thống kê Việt Nam đã tiếp thu kinh nghiệm quốc tế với những quy định có tính chất đặc thù sau:

(1) Tổ chức thống kê nhà nước là cơ quan thống kê quốc gia; tổ chức duy nhất có chức năng chính về thống kê nhà nước; sản xuất, công bố và cung cấp thông tin thống kê chính thức về kinh tế - xã hội của quốc gia; chủ trì, điều phối hệ thống thống kê quốc gia; là đại diện quốc gia trong hợp tác quốc tế về thống kê. Cơ quan thống kê quốc gia được tổ chức nhằm đảm bảo tính độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ để triển khai chức năng, nhiệm vụ đặc thù ở tầm quốc gia và quốc tế.

(2) Hoạt động của cơ quan thống kê quốc gia tuân thủ các nguyên tắc cơ bản về thống kê nhà nước (10 nguyên tắc cơ bản của thống kê chính thức); tuân thủ các tiêu chuẩn, chuẩn mực của thống kê Liên hợp quốc.

(3) Thủ trưởng cơ quan thống kê quốc gia là người có thẩm quyền công bố thông tin thống kê quốc gia.

29. Kinh nghiệm quốc tế trong tính toán chỉ tiêu Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP,GRDP ở Việt Nam

1. Khái niệm: Năm 2020 Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) đã đưa ra định nghĩa mang tính toàn diện hơn nhằm tạo sự đồng thuận giữa các quốc gia thành viên G20 trong xác định khái niệm thống nhất và đo lường kinh tế số: “Kinh tế số bao gồm tất cả các hoạt động kinh tế dựa vào hoặc được tăng cường đáng kể bằng cách sử dụng các yếu tố đầu vào kỹ thuật số, bao gồm công nghệ kỹ thuật số, cơ sở hạ tầng kỹ thuật số, dịch vụ kỹ thuật số và dữ liệu” .

Khái niệm kinh tế số do OECD đưa ra nhằm hỗ trợ các cơ quan thống kê đo lường chính xác và đảm bảo tính so sánh của kinh tế số, đồng thời phản ánh đầy đủ hơn các tương tác số hóa không được ghi nhận là hoạt động kinh tế, vượt ra ngoài phạm vi đo lường của chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP). Như vậy, các hoạt động kỹ thuật số không chỉ tác động đến kinh tế mà còn tác động đến nhiều mặt của đời sống xã hội.

2. Phương pháp biên soạn kinh tế số

Phương pháp tiếp cận từ trên xuống: Đo lường dựa vào tất cả các ngành được hưởng lợi từ việc áp dụng công nghệ số và năng suất đạt được do áp dụng công nghệ số (có thể trực tiếp hoặc gián tiếp), nhiều quốc gia trên thế giới áp dụng phương pháp này trong đó có Trung Quốc.

Phương pháp tiếp cận từ dưới lên: Đo lường từng thành phần của kinh tế số, xác định khái niệm, phạm vi từ phần cứng đến hoạt động thương mại điện tử để tổng hợp và đi đến một ước tính ở tầm vĩ mô như OECD/BEA - Cơ quan phân tích kinh tế Mỹ, Ngân hàng phát triển Châu á (ADB) và đo lường GDP-B của Brynjolfsson và các đồng nghiệp năm 2019¹.

Theo các phương pháp tiếp cận từ dưới lên, hướng dẫn đo lường kinh tế số được quan tâm nhiều nhất trên thế giới hiện nay là của OECD và ADB.

3. Hướng dẫn về đo lường kinh tế số của OECD

- *Ngành số gồm:* (1) Ngành hỗ trợ kỹ thuật số; (2) Ngành cung cấp dịch vụ tài chính bảo hiểm hoạt động trên môi trường số; (3) Nền tảng trung gian tính phí; (4) Ngành hoạt động phụ thuộc vào nền tảng trung gian; (5) Ngành hoạt động nền tảng kỹ thuật số định hướng dữ liệu và

¹ https://www.nber.org/system/files/working_papers/w25695/w25695.pdf

quảng cáo; (6) Ngành bán lẻ trực tuyến; (7) Ngành sản xuất khác chỉ hoạt động trên môi trường số.

- *Sản phẩm số gồm*: (1) Hàng hóa công nghệ thông tin - truyền thông ICT; (2) Dịch vụ kỹ thuật số; (3) Dịch vụ điện toán đám mây; (4) Dịch vụ trung gian kỹ thuật số.

- *Giao dịch số gồm*: Đặt hàng kỹ thuật số và giao hàng kỹ thuật số.

4. Các nước sau đã công bố chỉ tiêu tỷ trọng kinh tế số trong GDP

(1) Cơ quan Thống kê Quốc gia Anh - năm 2022: Nghiên cứu chỉ ra kinh tế số lõi bình quân giai đoạn 2016-2019 chiếm khoảng 4,6% tổng giá trị tăng thêm và kinh tế số mở rộng là 26,6%.

(2) Cơ quan Thống kê Trung Quốc - năm 2022 (Trung Quốc hiện là nền kinh tế số lớn thứ hai thế giới sau Mỹ với ước tính trị giá 7,1 nghìn tỷ USD vào năm 2021, tăng 16,2% so với năm 2020 và chiếm 39,8% trong tổng GDP. Bên cạnh đó, Cục Thống kê quốc gia Trung Quốc cũng đưa ra ước tính tỷ trọng kinh tế số trong GDP năm 2019 và 2021 lần lượt là khoảng 30% và 40%).

(3) Cục phân tích kinh tế của Mỹ (BEA) kinh tế số của Mỹ năm 2021 ước đạt 10,3% GDP.

(4) Cơ quan thống kê Ca-na-đa - năm 2021: Kết quả cho thấy đóng góp của nền kinh tế số vào GDP của Ca-na-đa có xu hướng tăng từ 5,2% (103 tỷ USD) trong năm 2017 lên 5,4% (111 tỷ USD) vào năm 2018 và 5,5% (118 tỷ USD) vào năm 2019.

(5) Cơ quan Thống kê Úc - năm 2023: Đóng góp giá trị tăng thêm của hoạt động số trong tổng giá trị tăng thêm của Úc giai đoạn 2021-2022 là 6,3%, 2020-2021 là 6,4% và giai đoạn 2019-2020 là 6,3% và bốn ngành chính có đóng góp lớn nhất trong tổng giá trị tăng thêm của hoạt động kinh tế số của Úc (chiếm hơn 92%) gồm: Thông tin, truyền thông và viễn thông; Dịch vụ chuyên môn, khoa học và kỹ thuật; Thương mại bán buôn và Thương mại bán lẻ.

(6) Tổng thư ký Văn phòng Ủy ban Xã hội và Kinh tế Kỹ thuật số Quốc gia (ONDE-Thái Lan) - năm 2023 tỷ trọng kinh tế số của Thái Lan trong GDP năm 2021 là 12,66% và năm 2022 là 12,1%.

(7) Trung tâm kỹ thuật số của Ma-lai-xi-a - năm 2023 tỷ trọng kinh tế số trong GDP của Ma-lai-xi-a năm 2021 là 23,1%.

(8) Đại học quốc gia Xinh-ga-po công bố năm 2023: tỷ trọng kinh tế số trong GDP của Xinh-ga-po năm 2022 là 17,3%.

30. Cơ sở pháp lý trong tính toán chỉ tiêu Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP,GRDP ở Việt Nam

Chỉ tiêu số 0517 “*Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong tổng sản phẩm trong nước*” được quy định trong

(1) Luật sửa đổi bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu Thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12/11/2021.

(2) Nghị định số 94/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 07/11/2022 quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước.

(3) Thông tư số 13/2021/TT-BKHĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Quy định Hệ thống chỉ tiêu kinh tế số.

(4) Chỉ tiêu số T0507 “*Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong tổng sản phẩm trên địa bàn*” được quy định tại Quyết định số 05/2023/QĐ-TTg, ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

Tại Nghị định, Quyết định và Thông tư này đã quy định chi tiết về: (1) Khái niệm, phương pháp tính; (2) Phân tổ chủ yếu; (3) Kỳ công bố; (4) Nguồn số liệu và (5) Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp đối với hai chỉ tiêu trên.

Kinh tế số bao gồm:

- Kinh tế số ICT là hoạt động công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông và hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông.

- Kinh tế số nền tảng là hoạt động kinh tế của các nền tảng số; các hệ thống trực tuyến kết nối giữa cung, cầu và các dịch vụ trực tuyến trên mạng.

Kinh tế số bao gồm các hoạt động cung cấp dịch vụ sau: hạ tầng số, nền tảng số và ứng dụng số:

+ Hạ tầng số là hạ tầng kỹ thuật vật lý (hạ tầng viễn thông - công nghệ thông tin) để truyền đưa thông tin số, dữ liệu số và để cung cấp dịch vụ nền tảng số, dịch vụ ứng dụng số, như dịch vụ viễn thông cố định, dịch vụ viễn thông di động, dịch vụ kết nối Internet, dịch vụ truy nhập Internet,...

+ Nền tảng số là dịch vụ được phát triển dựa trên hạ tầng số nhằm tạo ra môi trường cho dịch vụ ứng dụng số, như dịch vụ sàn thương mại điện tử hàng hóa (Shopee, Sendo, Amazon, Alibaba,...), sàn giao dịch

chứng khoán, dịch vụ mạng xã hội (Zalo, Facebook, Youtube, Tik Tok, Chotot ...), các ứng dụng trên nền tảng di động để cung cấp dịch vụ (Grab, Bee...).

+ Ứng dụng số là các dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin nói chung - được phát triển, vận hành dựa trên hạ tầng số hoặc nền tảng số để các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân dựa vào đó thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh, bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Theo các quy định hiện nay, Cục Thống kê được phân công chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp và công bố chỉ tiêu này.

31. Phương pháp biên soạn chỉ tiêu Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP,GRDP ở Việt Nam

Kinh tế số bao gồm các ngành hỗ trợ kinh tế số (ngành kinh tế số lõi) và các ngành được hỗ trợ bởi ngành kinh tế số (ngành kinh tế được số hóa).

(1) Các ngành kinh tế số lõi

Các ngành kinh tế số lõi bao gồm 7 ngành cấp 2: (1) Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; (2) Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; (3) Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; (4) bán phần mềm; (5) Viễn thông: Lập trình máy vi tính, dịch vụ tư vấn và các hoạt động khác liên quan đến máy vi tính; (6) Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan; (7) Công thông tin; sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi; và sửa chữa máy tính và thiết bị liên lạc. *(Danh mục các ngành kinh tế số lõi theo Bảng phân ngành kinh tế Việt Nam chi tiết đến ngành cấp 5 tại Phụ lục 1).*

(2) Các ngành kinh tế được số hóa

Ngành được số hóa là ngành sử dụng sản phẩm kinh tế số lõi làm chi phí đầu vào cho quá trình sản xuất, kinh doanh. Mỗi ngành sẽ có mức độ sử dụng sản phẩm kinh tế số lõi làm chi phí đầu vào khác nhau nên có tỷ lệ số hóa khác nhau.

Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số (VA_{KTS}) trong GDP, GRDP là tỷ lệ phần trăm giữa tổng giá trị tăng thêm do kinh tế số tạo ra so với tổng sản phẩm trong nước hoặc tổng sản phẩm trên địa bàn trong kỳ báo cáo.

32. Thực tiễn biên soạn chỉ tiêu tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP, GRDP của Việt Nam

1. Toàn nền kinh tế

Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP các năm từ 2020-2023 lần lượt là 12,66%, 12,87% 12,63% và 12,33%. Trung bình tỷ trọng giá trị tăng thêm kinh tế số trong GDP các năm 2020-2023 đạt khoảng 12,62% và năm 2023 là 12,33%, trong đó ngành kinh tế số lõi đóng góp 7,42% (chiếm 60,19%), số hóa các ngành khác đóng góp 4,91% (chiếm 39,81%). Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP có xu hướng giảm do ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (chiếm khoảng hơn 30% tổng giá trị tăng thêm của hoạt động kinh tế số) giảm do nhu cầu thế giới giảm. Bên cạnh đó, các ngành dịch vụ có giá trị tăng thêm tạo ra do ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như trong công tác quản lý điều hành có xu hướng tăng lên. Điều này thể hiện sự nỗ lực của Chính phủ trong việc đẩy mạnh phát triển công nghệ thông tin và truyền thông, hoạt động số hóa của các ngành kinh tế ngày càng được tăng cường, đặc biệt là các ngành dịch vụ có xu hướng số hóa ngày càng tăng giúp tỷ trọng đóng góp giá trị tăng thêm của khu vực dịch vụ trong GDP từ 6,53% năm 2020 lên 6,65% năm 2023.

Kết quả đo lường đóng góp giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP các năm 2020-2023

Đơn vị tính: %

	2020	2021	2022	2023
Tổng số	12,66	12,87	12,63	12,33
1. Khu vực Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản	0,05	0,05	0,05	0,05
2. Khu vực Công nghiệp và Xây dựng	6,08	6,22	5,97	5,63
3. Khu vực Dịch vụ	6,53	6,60	6,61	6,65

Bên cạnh các ngành kinh tế số lõi, một số ngành có giá trị tăng thêm kinh tế số trung bình các năm 2020-2023 cao như: Thương mại bán buôn, bán lẻ chiếm khoảng 13% tổng giá trị tăng thêm của kinh tế số; Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều

hòa không khí trung bình các năm từ 2020-2023 ước chiếm khoảng 4%; Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn chiếm khoảng 2%; Hoạt động phát thanh, truyền hình chiếm khoảng 2%; Hoạt động dịch vụ tài chính khoảng 2%. Một số ngành có hoạt động số hóa thấp và gần như không thực hiện số hóa như hoạt động thú y; hoạt động trợ giúp xã hội; hoạt động chăm sóc, điều dưỡng tập trung; sản xuất sản phẩm thuốc lá; xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác... (chiếm khoảng 0,002% tổng giá trị tăng thêm của kinh tế số).

2. Theo tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Ước tính tỷ trọng giá trị tăng thêm của KTS trong GRDP 2020 -2023

(Ghi chú: Số liệu công bố năm 2023 xếp theo 63 tỉnh, thành phố trước đây)

Đơn vị tính: %

Tỉnh/Thành phố	2020	2021	2022	2023
01. Thành phố Hà Nội	15,37	15,81	15,40	15,85
02. Tỉnh Hà Giang	6,30	6,35	6,38	6,36
04. Tỉnh Cao Bằng	6,84	6,75	7,21	8,10
06. Tỉnh Bắc Kạn	7,59	7,48	7,62	8,05
08. Tỉnh Tuyên Quang	5,48	5,84	6,02	6,19
10. Tỉnh Lào Cai	4,76	4,94	5,08	5,45
11. Tỉnh Điện Biên	6,98	6,71	6,63	6,60
12. Tỉnh Lai Châu	6,11	6,03	6,17	6,70
14. Tỉnh Sơn La	5,41	5,74	5,75	6,12
15. Tỉnh Yên Bái	6,74	6,69	6,93	7,70
17. Tỉnh Hoà Bình	10,81	10,57	10,16	10,02
19. Tỉnh Thái Nguyên	40,79	37,59	34,24	34,05
20. Tỉnh Lạng Sơn	6,26	6,37	6,55	6,87
22. Tỉnh Quảng Ninh	5,52	5,94	5,98	5,92
24. Tỉnh Bắc Giang	26,14	28,06	32,45	34,72
25. Tỉnh Phú Thọ	10,39	9,43	10,17	12,47

Tỉnh/Thành phố	2020	2021	2022	2023
26. Tỉnh Vĩnh Phúc	19,04	22,75	24,70	26,12
27. Tỉnh Bắc Ninh	50,41	48,49	46,79	45,18
30. Tỉnh Hải Dương	10,50	9,56	10,27	10,47
31. Thành phố Hải Phòng	23,65	24,42	27,22	29,69
33. Tỉnh Hưng Yên	6,69	6,63	6,43	6,43
34. Tỉnh Thái Bình	4,45	4,92	4,99	5,20
35. Tỉnh Hà Nam	10,38	11,06	11,84	13,25
36. Tỉnh Nam Định	5,01	5,54	5,55	5,77
37. Tỉnh Ninh Bình	10,25	9,29	9,71	10,54
38. Tỉnh Thanh Hoá	4,68	4,77	4,77	5,11
40. Tỉnh Nghệ An	6,63	6,60	7,12	7,40
42. Tỉnh Hà Tĩnh	5,60	5,72	6,27	7,20
44. Tỉnh Quảng Bình	6,48	6,35	6,34	6,61
45. Tỉnh Quảng Trị	7,48	6,94	6,90	7,09
46. Tỉnh Thừa Thiên Huế	7,41	7,32	7,26	7,52
48. Thành phố Đà Nẵng	13,38	13,76	13,61	14,39
49. Tỉnh Quảng Nam	5,78	6,43	6,35	7,48
51. Tỉnh Quảng Ngãi	5,09	5,22	4,99	5,55
52. Tỉnh Bình Định	5,46	5,89	5,97	6,10
54. Tỉnh Phú Yên	7,21	7,09	7,13	7,15
56. Tỉnh Khánh Hoà	7,04	7,26	7,17	7,46
58. Tỉnh Ninh Thuận	5,98	5,54	5,61	5,66
60. Tỉnh Bình Thuận	5,18	5,39	5,52	5,79
62. Tỉnh Kon Tum	7,94	7,33	7,17	6,88
64. Tỉnh Gia Lai	6,27	6,50	6,50	6,66
66. Tỉnh Đắk Lắk	6,32	6,26	6,32	6,69

Tỉnh/Thành phố	2020	2021	2022	2023
67. Tỉnh Đắk Nông	6,91	6,33	6,26	6,28
68. Tỉnh Lâm Đồng	6,66	6,64	6,54	6,90
70. Tỉnh Bình Phước	7,76	7,47	7,20	7,42
72. Tỉnh Tây Ninh	4,55	4,67	4,64	4,94
74. Tỉnh Bình Dương	8,11	7,29	7,18	8,63
75. Tỉnh Đồng Nai	5,69	6,44	6,51	6,78
77. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	4,61	4,60	4,77	5,04
79. Thành phố Hồ Chí Minh	12,62	13,84	13,51	14,65
80. Tỉnh Long An	5,18	5,21	5,30	5,68
82. Tỉnh Tiền Giang	5,22	5,23	5,20	5,52
83. Tỉnh Bến Tre	6,31	6,13	6,29	6,60
84. Tỉnh Trà Vinh	5,45	5,67	5,72	5,99
86. Tỉnh Vĩnh Long	6,96	7,08	7,41	8,16
87. Tỉnh Đồng Tháp	4,39	4,49	4,57	4,96
89. Tỉnh An Giang	4,93	5,02	5,02	5,28
91. Tỉnh Kiên Giang	4,44	4,58	4,77	5,22
92. Thành phố Cần Thơ	6,57	6,59	6,58	7,14
93. Tỉnh Hậu Giang	6,03	6,02	5,53	5,53
94. Tỉnh Sóc Trăng	5,04	4,99	5,11	5,10
95. Tỉnh Bạc Liêu	5,46	5,51	5,43	5,65
96. Tỉnh Cà Mau	5,37	5,47	5,44	5,92

3. Giải pháp hoàn thiện đo lường kinh tế số

Một là, nâng cao nhận thức của xã hội về vai trò kinh tế số trong nền kinh tế. Hiện nay, nhận thức, nhu cầu và hành động theo xu thế kinh tế số chưa được đầy đủ trong xã hội. Thúc đẩy phát triển kinh tế số ở Việt Nam

cần có sự tham gia tích cực, chủ động của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và người dân. Vì vậy, cần đẩy mạnh thông tin tuyên truyền, tạo sự chuyển biến về xu hướng, vai trò và định hướng ứng dụng kinh tế số trong phát triển kinh tế-xã hội ở nước ta hiện nay.

Hai là, tăng cường sự hợp tác, phối hợp giữa Cục Thống kê với Bộ, ngành, địa phương

Các bộ, ngành, địa phương và các bên có liên quan tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin phục vụ biên soạn chỉ tiêu đo lường kinh tế số. Bên cạnh đó, Cục Thống kê tiếp tục nghiên cứu cập nhật phương pháp đo lường nền kinh tế số của quốc tế từ đó hoàn thiện đo lường nền kinh tế số của Việt Nam một cách toàn diện đầy đủ theo các khía cạnh khác nhau từ giao dịch số, ngành số và sản phẩm số.

Ba là, quan tâm xây dựng thể chế để bố trí nguồn lực phù hợp, thúc đẩy ứng dụng kinh tế số trong các hoạt động kinh tế và quản lý, điều hành

Các bộ, ban, ngành sớm ban hành các văn bản hướng dẫn để huy động và sử dụng các nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế số đạt được mục tiêu đã đề ra.

Các địa phương quan tâm bố trí nguồn lực, hỗ trợ thu thập thông tin phục vụ biên soạn các chỉ tiêu liên quan đến kinh tế số trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đặc biệt là hoạt động thương mại điện tử. Thực hiện các điều tra chuyên sâu để thu thập thông tin liên quan đến hoạt động số hóa và xây dựng các hệ số kỹ thuật phục vụ biên soạn các chỉ tiêu kinh tế số phản ánh đầy đủ, sát thực đóng góp của kinh tế số trong phát triển kinh tế -xã hội của nước ta./.

33. Kiểm toán nhà nước đối với thống kê nhà nước và kiểm toán đối với dịch vụ thống kê ngoài nhà nước

Hiện nay trên thế giới có một số rất ít quốc gia thực hiện việc kiểm toán liên quan đến lĩnh vực thống kê, và nếu có thì chủ yếu tập trung vào **kiểm toán phương pháp luận** chứ **không kiểm toán “từng đồng, từng hào”** như đối với hoạt động tài chính.

Thống kê là lĩnh vực phản ánh các hiện tượng kinh tế - xã hội bằng **số lớn**, chứ không phải là hạch toán chi tiết từng khoản mục. Vì vậy, bản chất của thống kê khác hoàn toàn với lĩnh vực tài chính - kế toán, nơi các con số cần được kiểm toán chi tiết, đối chiếu chứng từ.

Thực tế, ngay cả ở các quốc gia có hệ thống thống kê và công nghệ thông tin rất hiện đại, việc tính toán và công bố các chỉ tiêu lớn như GDP cũng mất nhiều thời gian - thường phải sau **1 năm đến 1 năm rưỡi** mới có số liệu chính thức; các số liệu quý cũng phải công bố chậm hơn nhiều tháng. Điều đó cho thấy thống kê là một hoạt động **phức tạp, mang tính khoa học và kỹ thuật cao**, không thể áp dụng cơ chế kiểm toán như với hoạt động tài chính.

Vì vậy, việc **Kiểm toán Nhà nước kiểm toán thống kê nhà nước hay dịch vụ thống kê ngoài nhà nước là không phù hợp**, mà thay vào đó cần tập trung vào **đánh giá, giám sát chất lượng phương pháp luận và quy trình thống kê** để bảo đảm tính khách quan, minh bạch và đáng tin cậy của thông tin thống kê.

34. Làm rõ một số vấn đề về cơ quan thống kê cơ sở, vì sao cần phải có quy định về cơ quan thống kê cơ sở

Trong bối cảnh sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã từ 10.035 xã xuống còn 3.321 xã và bỏ cấp huyện, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, việc thu thập thông tin tại cơ sở là rất quan trọng. Có nguồn số liệu nhanh chóng, kịp thời ngay từ cơ sở thì mới có đánh giá, dự báo chính xác về tình hình kinh tế - xã hội hiện tại để có những chiến lược, kế hoạch, chính sách phù hợp cho phát triển vùng, không gian của từng xã, tỉnh và cho quốc gia. Dựa trên dữ liệu này, các cấp chính quyền xã có thể xây dựng các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với đặc điểm và nhu cầu cụ thể của địa phương, tránh tình trạng kế hoạch chung chung, kém hiệu quả. Do đó, dự thảo Luật bổ sung quy định về hệ thống thông tin thống kê cấp xã, hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp xã; chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã.

Với đặc thù chuyên môn, nghiệp vụ thống kê cần thiết phải có sự chỉ đạo tập trung, thống nhất, xuyên suốt từ trung ương đến cơ sở để bảo đảm đáp ứng số liệu thống kê được thu thập, tổng hợp thống nhất, đúng phương pháp thống kê theo các chuẩn mực quốc tế, tránh để xảy ra tình trạng mỗi đơn vị thu thập số liệu theo một phương pháp, phạm vi khác nhau sẽ dẫn đến dữ liệu khác nhau, không thể so sánh giữa các đơn vị và cũng không thể tổng hợp lên thành dữ liệu cấp tỉnh và quốc gia được. Vì vậy cần phải có quy định về cơ quan thống kê cơ sở để bảo đảm hoạt động thống kê được tổ chức, triển khai, thực hiện thống nhất theo ngành dọc từ trung ương đến cơ sở; đảm bảo thu thập, báo cáo tốt dữ liệu vừa phục vụ nhu cầu của cấp xã vừa thực hiện các nhiệm vụ của ngành dọc thống kê.

Về mô hình của thống kê cơ sở, dự thảo Luật chỉ quy định khung chung về hệ thống tổ chức thống kê tập trung: *“Khoản 1. Hệ thống tổ chức thống kê tập trung được tổ chức theo ngành dọc gồm cơ quan thống kê trung ương và cơ quan thống kê địa phương; Khoản 4. Cơ quan thống kê địa phương gồm cơ quan thống kê cấp tỉnh và cơ quan thống kê cơ sở và Khoản 5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của hệ thống tổ chức thống kê tập trung”*.

Theo đó, mô hình của thống kê cơ sở sẽ được quy định chi tiết tại các văn bản cụ thể, phù hợp theo hướng: *Thống kê cơ sở là đơn vị thuộc Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thực hiện hoạt động thống kê trên địa bàn quản lý theo chương trình công tác do Trưởng Thống kê tỉnh, thành phố giao; giúp Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý nhà nước về thống kê trên địa bàn; cung cấp, phổ biến thông tin kinh tế - xã hội phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành của lãnh đạo Đảng, Chính quyền cấp xã và cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Thống kê cơ sở có tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.*

35. Về bảo đảm tính thống nhất của pháp luật liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân

Việc cung cấp thông tin trong hoạt động thống kê nhà nước có tính chất bắt buộc, được thực hiện trên cơ sở Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc quy định này để bảo đảm thu thập đầy đủ thông tin phục vụ quản lý, điều hành của Đảng, Quốc hội và Chính phủ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật Thống kê hiện hành, tổ chức, cá nhân được điều tra thống kê có nghĩa vụ *“Cung cấp thông tin trung thực, chính xác, đầy đủ và đúng thời hạn theo yêu cầu của điều tra viên thống kê hoặc cơ quan tiến hành điều tra thống kê”* và *“Không được từ chối hoặc cản trở việc cung cấp thông tin điều tra thống kê”*. Đây là nguyên tắc cơ bản nhằm bảo đảm tính đầy đủ, khách quan và độ tin cậy của hệ thống thông tin thống kê quốc gia.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, cơ quan thống kê vẫn tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và an toàn thông tin mạng, bảo đảm thông tin cá nhân thu thập được chỉ sử dụng cho mục đích thống kê; giữ bí mật các thông tin gắn với tên, địa chỉ cụ thể của từng tổ chức, cá nhân, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đó đồng ý hoặc luật có quy định khác và bảo mật dữ liệu, thông tin thống kê theo quy định của pháp luật

Như vậy, dự thảo Luật không sửa đổi quy định tại Điều 33 là phù hợp với tính chất đặc thù của hoạt động thống kê nhà nước, đồng thời vẫn bảo đảm nguyên tắc bảo vệ dữ liệu cá nhân theo đúng quy định của pháp luật có liên quan.